

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày 31/5/2021.
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Hoàng

2. Ông Võ Hoài Long

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đức Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 298/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐST-DS ngày 15/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-DS ngày 10/5/2021, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Trụ sở: 266 – 268 N, Phường T, Quận B, Thành phố H.

+ Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP S: Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc;

+ Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S: Bà Võ Thị Nhược T – Chức vụ: Giám đốc S Gia Lai. (Theo giấy ủy quyền số 3967/2019/GUQ-PL, ngày 16/12/2019);

Đại diện theo ủy quyền lại là Bà Huỳnh Bích P, chức vụ Phó phòng kiểm soát rủi ro.

Địa chỉ: 38 N, phường D, thành phố P, tỉnh G. có mặt. (giấy ủy quyền lại số 280/GUQ-CNGL ngày 28/10/2020)

Bị đơn: Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1981 và chị Mai Thị Q, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Làng T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai;
Vắng mặt bị đơn lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Gọi tắt là S) cho anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q vay theo hợp đồng tín dụng số LD1817800125 ngày 27/6/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1817800125 -01 ngày 27/6/2019 vay số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 11/7/2019 đến 11/7/2020;

Trong quá trình vay thì ngày đóng lãi đầu tiên là ngày 11/7/2019 đến nay, anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q không trả lãi phát sinh và gốc cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã đi đòi nhiều lần. Ngày 21/7/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn.

Nay đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh tính đến ngày 31/5/2021 là 53.281.231đ và tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

Về lãi suất, Ngân hàng không yêu cầu anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q phải thanh toán đổi lãi phạt như trước đây trong quá trình giải quyết vụ án mà Ngân hàng yêu cầu.

Trường hợp bị đơn anh Q và chị Q không thanh toán dứt điểm toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 594/2018/PGD-CS ngày 29/6/2018 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 11/7/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng C, tỉnh Gia Lai giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sà Chi nhánh G– Phòng giao dịch C và anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q, tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 265176 thửa đất số 65a tờ bản đồ số 2 diện tích 498m² tại Làng T, xã I, huyện C, tỉnh G đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 16/6/2014.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q vẫn không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Nguyên đơn chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, các điều 144, 147, 157, 165, 166; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 318, 319, 401, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q có nghĩa vụ chung trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi nhánh G số tiền nợ gốc và tiền lãi, tính đến ngày xét xử là ngày 31/5/2021 theo quy định.

Trường hợp anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q không thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: 01 Quyết định tái bổ nhiệm nhân sự bản sao; 01 giấy ủy quyền lại số 280/GUQ-CNGL bản sao; Giấy đề nghị vay vốn; 01 Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở BU 265176 bản sao; 01 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp bản sao; 01 giấy nhận nợ bản sao; 01 Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 11/7/2019 bản sao; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 594/2018/PGD-CS ngày 29/6/2018 bản sao; 01 Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng bản sao; Hợp đồng tín dụng số LD 1817800125 ngày 27/6/2018 bản sao; Bản phô tô hộ khẩu gia đình và chứng minh nhân dân; 02 bản sao chứng minh nhân dân; 01 giấy ủy quyền số 39672019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 bản sao; 01 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bản sao; 01 phiếu gửi EMS kèm theo 01 quyết định điều động và bổ nhiệm nhân sự bản sao;

Chứng cứ do Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh; Bản tự khai; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng Thương mại cổ phần S ủy quyền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S Chi nhánh tại G khởi kiện anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q để yêu cầu trả số nợ gốc và lãi theo hợp đồng cho vay số LD1817800125 ngày 27/6/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1817800125 -01 ngày 27/6/2019 vay số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 11/7/2019 đến 11/7/2020;

Trong quá trình vay thì ngày đóng lãi đầu tiên là ngày 11/7/2019 đến nay, khách hàng không trả lãi phát sinh và gốc cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã đi đòi nhiều lần. Ngày 21/7/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn.

Hình thức và nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn phù hợp theo quy định nên được Tòa án chấp nhận. Anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q không có đăng ký kinh doanh và có hộ khẩu thường trú tại Làng Tu 1, xã Ia Ga, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, do vậy theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai do đó Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự+ tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Tính hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng cho vay số LD1817800125 ngày 27/6/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1817800125 -01 ngày 27/6/2019, được ký kết giữa một bên cấp tín dụng là Ngân hàng Thương mại cổ phần S với một bên được cấp tín dụng là anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi:

Về yêu cầu trả nợ gốc: Ngân hàng đã giải ngân cho anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q vay số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q vi phạm về nghĩa vụ trả lãi và gốc cho Ngân hàng. Do vậy Ngân hàng khởi kiện buộc anh Đặng Văn Q

và chị Mai Thị Q phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng là có căn cứ pháp luật.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/5/2021, anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q còn nợ Ngân hàng số tiền 283.281.231 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu hai trăm tám một nghìn hai trăm ba một đồng) trong đó nợ gốc là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày 31/5/2021 là: 53.281.231đ đồng (Năm mươi ba triệu hai trăm tám một nghìn hai trăm ba một đồng) bao gồm nợ lãi trong hạn là 22.656.575 đồng; Lãi quá hạn là 30.624.656 đồng; Số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.

Như vậy, cần buộc anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q phải có nghĩa vụ chung trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 283.281.231 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu hai trăm tám một nghìn hai trăm ba một đồng) trong đó nợ gốc là 230.00.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và lãi trong hạn là 22.656.575 đồng; Lãi quá hạn là 30.624.656 đồng; cùng toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi thu hồi xong các khoản nợ.

Đối với lãi phạt, tại phiên tòa Ngân hàng xin rút một phần không yêu cầu về tính lãi phạt trả đối với khoản vay của Anh Đặng Văn Q và Chị Mai Thị Q, HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu về tính lãi phạt của Ngân hàng là tự nguyện, không ai ép buộc nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 594/2018/PGD-CS ngày 29/6/2018 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 11/7/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng C, tỉnh Gia Lai giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh G – Phòng giao dịch C và anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q. Do vậy nếu anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q không thực hiện đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 594/2018/PGD-CS ngày 29/6/2018 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 11/7/2019 để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ vào các Điều 157, 158

của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền chi phí thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, do vậy cần buộc anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng chi phí thẩm định.

[5] Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên căn cứ các Điều 143, 144 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, vì vậy bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Cụ thể anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q phải có nghĩa vụ chung chịu số tiền 14.264.619đ đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 157, 158, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng:

+ Các Điều 117, 118, 119, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Buộc anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q phải có nghĩa vụ chung trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần S Chi nhánh G số tiền tổng cộng là 283.281.231 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn hai trăm ba mươi đồng) trong đó nợ gốc là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày 31/5/2021 là: 53.281.231đ đồng (Năm mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn hai trăm ba mươi đồng) bao gồm nợ lãi trong hạn là 22.656.575 đồng; Lãi quá hạn là 30.624.656 đồng;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc buộc anh Đặng Văn Q và Chị Mai Thị Q phải trả số tiền lãi phạt.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 31/05/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Trong trường hợp anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q không thanh toán dứt điểm nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà anh Q và chị Q đã thế chấp. Tài sản thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 594/2018/PGD-CS ngày 29/6/2018 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 11/7/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng C, tỉnh Gia Lai giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S– Chi nhánh G, Phòng giao dịch C và anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 265176 thửa đất số 65a tờ bản đồ số 2 diện tích 498m² tại Làng T, xã I, huyện C, tỉnh G đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/6/2014.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S có nghĩa vụ trả cho anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 265176 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 16/6/2014 ngay sau khi anh Q và chị Q thanh toán toàn bộ khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết;

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh G số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc anh Đặng Văn Q và chị Mai Thị Q phải có nghĩa vụ chung chịu số tiền là 14.164.061đồng (Mười bốn triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.538.000đồng (Sáu triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010804 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các Đương sự
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND huyện chư công
- lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Khương**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Hoài Long Siu Hoàng

Nguyễn Văn Khương